

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm với sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu bất động sản

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30

[Thông tin doanh nghiệp]

VIC, GEX

[Vĩ mô/Chiến lược]

Bản tin thị trường Trái phiếu tháng 4/2022

[Cập nhật công ty]

VPB

[Quan điểm đầu tư]

Nhà đầu tư được khuyến nghị nâng dần tỷ trọng cho các vị thế ngắn hạn tại vùng hỗ trợ nhưng cần khống chế tỷ trọng ở mức vừa phải, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro

11/05/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	1,301.53	+0.62
VN30	1,349.82	+0.32
HĐTL VN30F1M	1,337.00	+0.15
HNXIndex	333.04	+0.92
HNX30	574.39	+1.15
UPCoM	98.79	-0.27
USD/VND	22,993	+0.20
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.16	+6
Lãi suất qua đêm (%)	1.83	+30
Dầu (WTI, \$)	102.83	+3.08
Vàng (LME, \$)	1,851.46	+0.72



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,301.53 (+0.62%)
KLGD (triệu CP) 418.2 (-27.4%)
GTGD (triệu US\$) 501.0 (-35.4%)

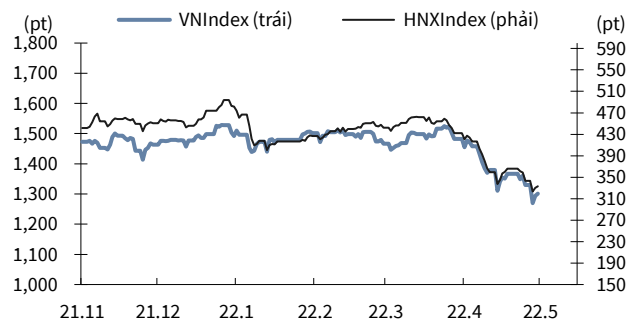
HNXIndex 333.04 (+0.92%)
KLGD (triệu CP) 50.1 (-32.6%)
GTGD (triệu US\$) 44.8 (-28.5%)

UPCoM 98.79 (-0.27%)
KLGD (triệu CP) 23.3 (-44.9%)
GTGD (triệu US\$) 16.0 (-34.2%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -3.8

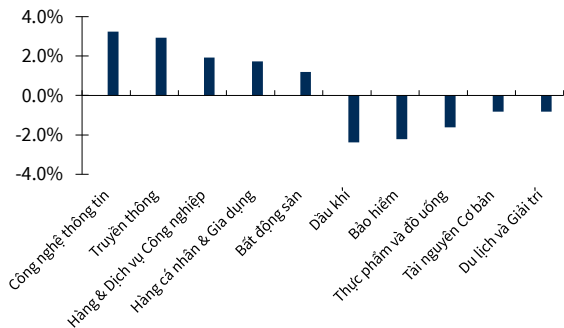
TTCK Việt Nam tăng điểm với sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu bất động sản. Hiệp hội Bất động sản Việt Nam cho biết đóng góp của thị trường bất động sản trong GDP giai đoạn 2019 - 2021 khoảng 14% với nhu cầu sử dụng cuối cùng của ngành bất động sản tăng 1,000 tỷ đồng sẽ kích thích giá trị sản xuất của các ngành còn lại là 772 tỷ đồng và lan tỏa tới giá trị tăng thêm là 191 tỷ đồng, cổ phiếu ngành bất động sản tăng ở DXG (+2%), DIG (+7%). Theo Hiệp hội Xi măng Việt Nam (VNCA), than là nguyên liệu đầu vào quan trọng nhất, thường chiếm khoảng 35-40% giá thành sản xuất xi măng và trong bối cảnh thiếu nguyên liệu đầu vào và chi phí tăng cao sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới ngành, cổ phiếu ngành xi măng giảm ở HT1 (-2%). Khối ngoại bán ròng ở VNM (-1.6%), E1VFN30 (-0.9%), DXG (+2%).

VNIndex & HNXIndex



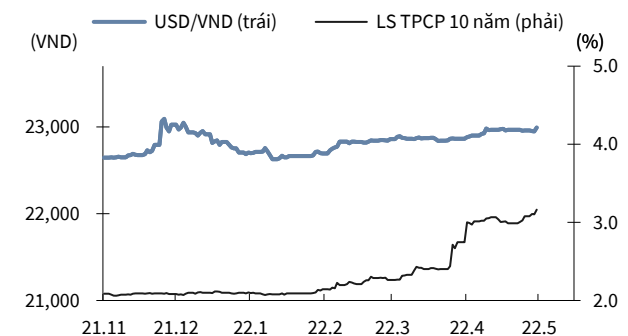
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



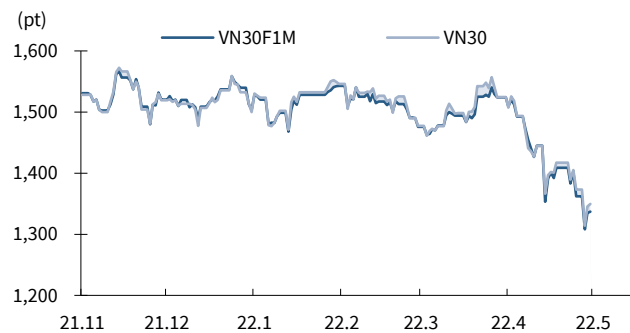
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,349.82 (+0.32%)
VN30F1M	1,337.0 (+0.15%)
Mở cửa	1,335.0
Cao nhất	1,349.0
Thấp nhất	1,318.2
KLGD (HĐ)	299,116 (-17.6%)

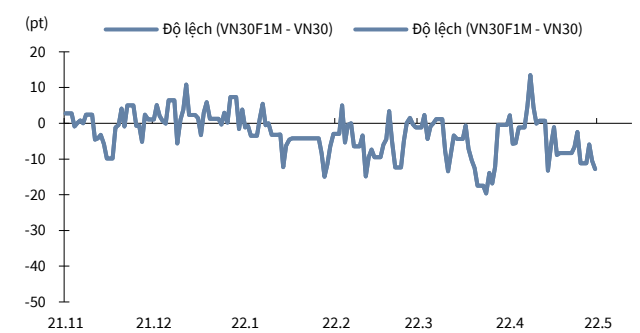
Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30. Chênh lệch giữa VN30 và F2205 mở cửa ở mức -10.36 điểm, sau đó biến động trong mức âm suốt phiên trước khi giảm mạnh vào cuối phiên và đóng cửa tại mức -12.81 điểm, cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trước đà tăng của thị trường cơ sở. Khối ngoại giao dịch cân bằng với thanh khoản thị trường giảm.

HĐTL VN30F1M & VN30



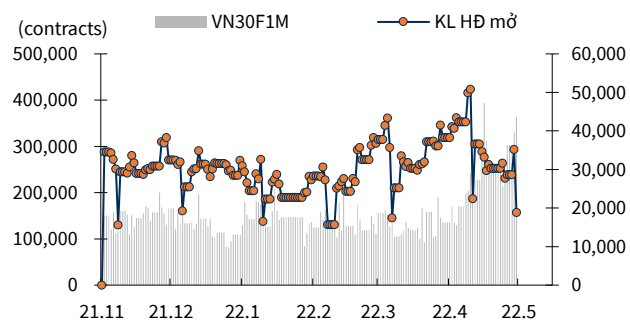
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



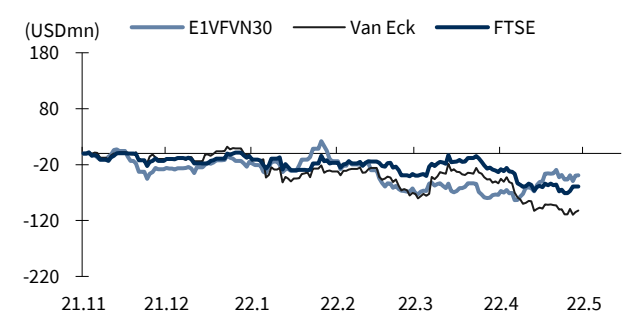
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

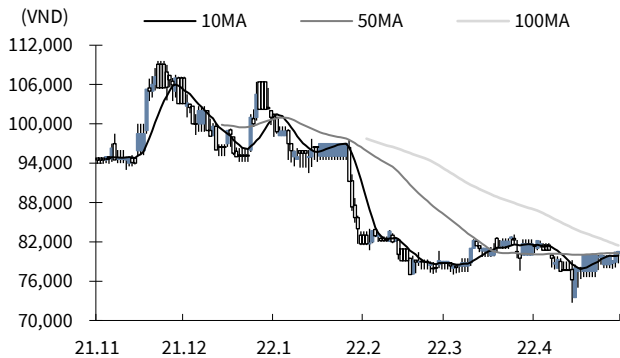
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

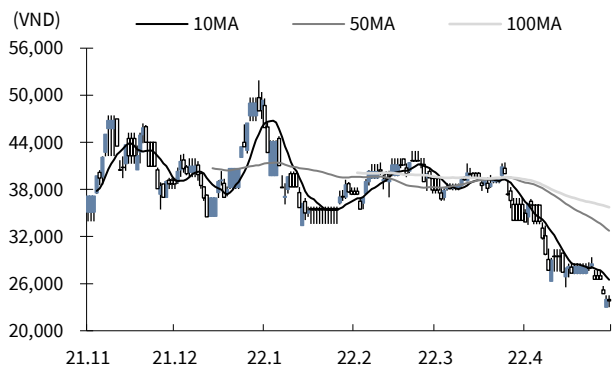
Tập đoàn VINGROUP – CTCP (VIC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIC tăng 0.1% lên 80,500 VND/cp
- Vingroup đề ra kế hoạch năm 2022 doanh thu thuần đạt 140,000 tỷ đồng, tăng 11% YoY, và lợi nhuận sau thuế 6,000 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ lỗ 7,558 tỷ đồng.
- Vingroup cho biết đang thúc đẩy mạnh mẽ chiến lược nội địa hoá, mời gọi các nhà máy sản xuất chip ở các nước về Việt Nam với chính sách ưu đãi.

CTCP Tập đoàn GELEX (GEX)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GEX giảm 0.8% xuống 23,800 VND/cp
- Tập đoàn Gelex trình phương án chia cổ tức năm 2021 tỷ lệ 5% bằng tiền mặt, tương ứng với thanh toán gần 426 tỷ đồng.
- GEX lên kế hoạch năm 2022 tổng doanh thu thuần hợp nhất 36,000 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 2,618 tỷ đồng, cùng tăng trưởng 26% so với thực hiện năm trước. Cổ tức kế hoạch 15%.

6/5/2022

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

1Q2022, LNTT đạt 11,146 tỷ VND, tăng 291.8% YoY

1Q2022, thu nhập lãi thuần đạt 9,888 tỷ VND (+16.0% QoQ, +8.4% YoY). Thu nhập ngoài lãi đạt 8,382 tỷ VND (+229% QoQ, +334% YoY) khiến TOI đạt 18,270 tỷ VND, tăng 65.3% Yoy. Chi phí trích lập dự phòng thấp hơn so với 2 quý gần đây, đạt 4,132 tỷ VND (-23.1% QoQ, -7.2% YoY) khiến LNTT 1Q2022 đạt 11,146 tỷ VND (+291.8% QoQ, +178.2% YoY)

VPB đặt kế hoạch LNTT đạt 29,662 tỷ VND, tăng 106.5% YoY

VPB đặt kế hoạch tham vọng trong năm 2022 với tổng tài sản đạt 697,413 tỷ VND, tăng 27.4% YoY; Dự nợ tín dụng đạt 518,440 tỷ VND tương đương mức tăng trưởng 35%; LNTT đạt 29,662 tỷ VND, tăng 106.5% YoY trong đó LNTT ngân hàng mẹ tăng 66.0% YoY.

Kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 79,334 tỷ VND

VPB tiếp tục có kế hoạch tăng vốn lên 79,334 tỷ VND trong năm 2022 với 2 đợt bao gồm chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 50% và phát hành riêng lẻ 1,19 tỷ cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược.

Mở rộng hệ sinh thái thông qua việc mua lại CTCP Bảo hiểm OPES và tăng vốn tại công ty chứng khoán ASC

VPB tiếp tục mở rộng hệ sinh thái thông qua kế hoạch tăng tỷ lệ sở hữu từ 11% lên trên 90% đối với CTCP Bảo hiểm OPES và góp vốn 15,000 tỷ VND vào công ty chứng khoán ASC để đẩy mạnh hoạt động cung cấp dịch vụ chứng khoán.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 44,400 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VPB. Giá mục tiêu là 44,400 VND/cp, cao hơn 30.0% so với giá tại ngày 6/5/2022.

Mua

Giá mục tiêu	VND 44,400
Tăng/Giảm	30.0%
Giá hiện tại (6/5/2022)	VND 34,150
Giá mục tiêu thị trường	VND 45,390
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	150,754

Dự phóng KQKD & định giá

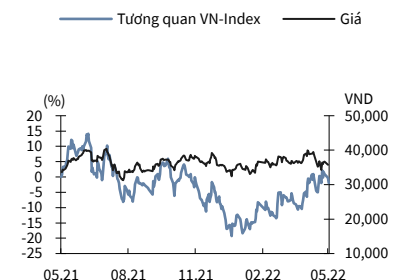
Cuối năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	32,346	34,349	45,968	57,586
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	27,641	33,583	47,487	53,311
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	10,414	11,808	21,416	23,168
EPS (VNĐ)	4,116	2,621	3,176	3,436
Tăng trưởng EPS (%)	26%	-36%	21%	8%
PER (x)	8.3	13.0	10.8	9.9
Giá trị số sách/CP (BVPS)	20,867	19,187	16,479	20,182
PBR (x)	1.64	1.78	2.07	1.69
ROE (%)	21.9%	16.7%	23.2%	20.2%
Tỷ lệ cổ tức (%)				

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	89.5
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	719/31.3
Sở hữu nước ngoài (%)	17.5
Cơ cấu cổ đông	Composite Capital Master Fund LP (4.87%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-7	-3	-6	8
Tương đối	3	7	0	-2



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thị trường trái phiếu tháng 04 năm 2022

Thanh khoản hệ thống đang chịu áp lực

10/05/2022

Trạng thái thanh khoản tiền Đồng đang chịu áp lực

- Lãi suất liên ngân hàng đi ngang tuy vẫn duy trì ở mức cao
- Giá trị giao dịch trên thị trường sơ cấp *duy trì ở mức thấp do nhu cầu mua TPCP từ các NHTM giảm*. Thanh khoản trên thị trường thứ cấp giảm với đường cong lợi suất có xu hướng dịch chuyển lên phía trên

KBSV dự báo mặt bằng lãi suất liên ngân hàng sẽ tiếp tục đi ngang nhờ việc thanh khoản hệ thống dần ổn định hơn. Lợi suất TPCP có thể tăng nhẹ do nguồn cung khá lớn trong khi cầu giảm

Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp tiếp tục hoạt động kém sôi động

- Tổng giá trị phát hành TPDN trong tháng chủ yếu đến từ các ngân hàng và không ghi nhận đợt phát hành nào đến từ các doanh nghiệp bất động sản
- Thị trường trái phiếu được dự báo vẫn sẽ hoạt động ở mức thấp trong các tháng tới trước động thái kiểm soát chặt chẽ việc phát hành cũng như giao dịch TPDN của Chính Phủ thông qua dự thảo sửa đổi lần 5 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.

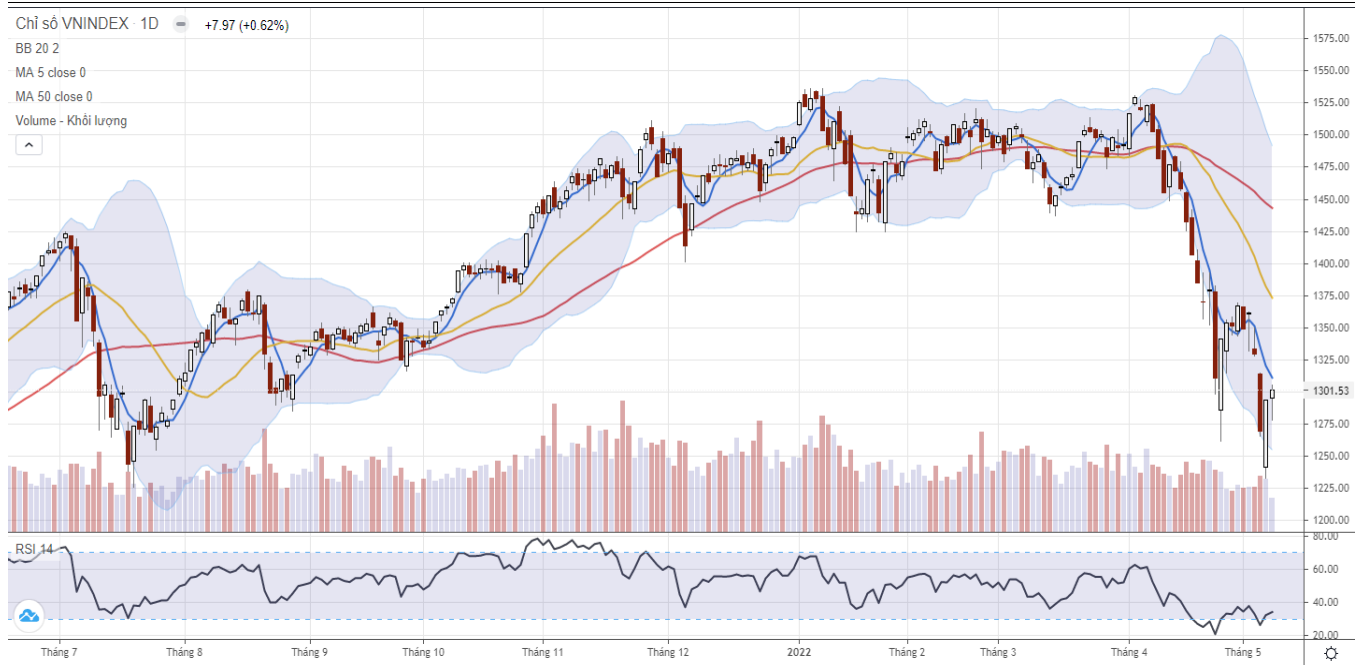
Tỷ giá liên ngân hàng duy trì ổn định trong khi tỷ giá chợ đen tăng cao

- Tỷ giá liên ngân hàng tiếp tục đi ngang quanh mức 22,915
- Tỷ giá chợ đen tăng cao khi chênh lệch giá vàng trong nước – quốc tế vẫn nới rộng khoảng cách và lập kỉ lục mới lên tới 17 triệu đồng/ lượng vào cuối tháng 4

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

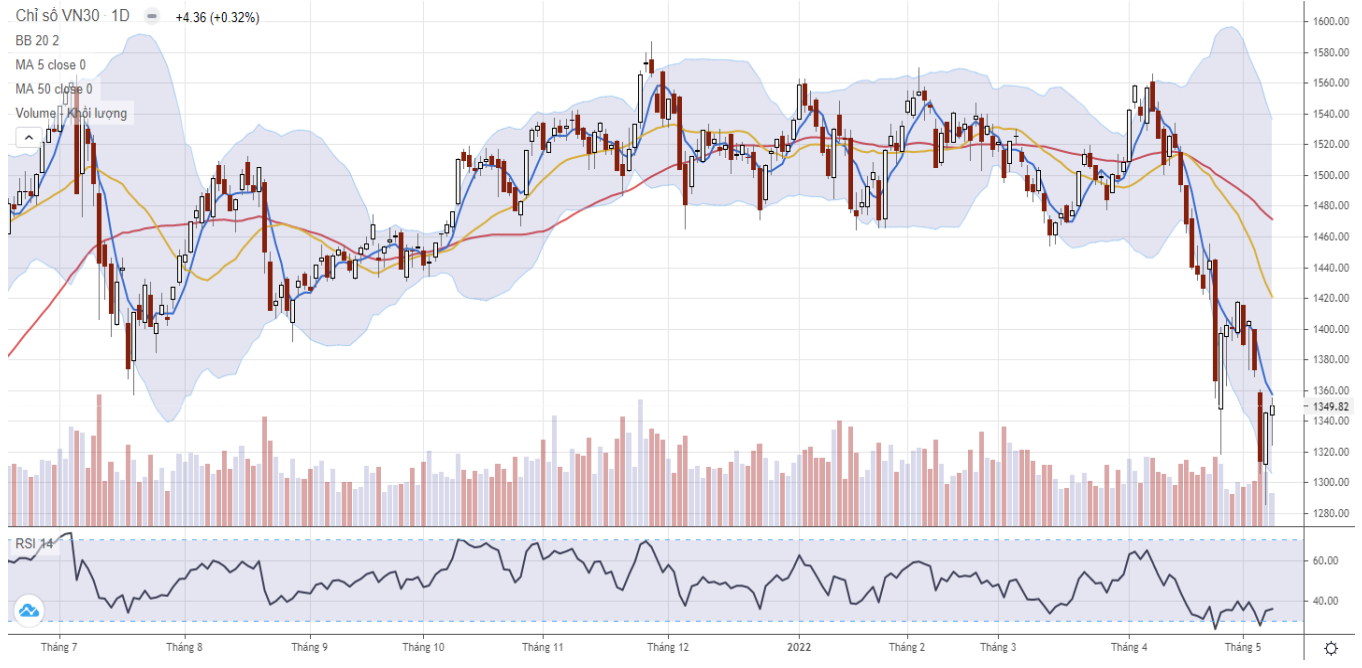
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp rung lắc đầu phiên, VNIndex sớm hồi phục và mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Lực cầu bắt đáy sớm xuất hiện trở lại giúp cho trạng thái thị trường cân bằng hơn sau nhịp bán mạnh đầu phiên. Mặc dù rủi ro rung lắc sẽ còn tiếp diễn trong những phiên tới, cơ hội tiếp nối đà hồi phục của VNIndex vẫn đang được duy trì với vùng cản kế tiếp tại quanh 1340.
- Nhà đầu tư được khuyến nghị nâng dần tỷ trọng cho các vị thế ngắn hạn tại vùng hỗ trợ nhưng cần khống chế tỷ trọng ở mức vừa phải, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1361 - 1365

Kháng cự gần: 1348 - 1353

Hỗ trợ gần: 1314 - 1318

Hỗ trợ xa: 1301 - 1306

- F1 trải qua một nhịp rung lắc trong phiên trước khi sớm hồi phục trở lại và tăng điểm giảm co về cuối phiên.
- Lực cầu bắt đáy sớm xuất hiện trở lại giúp cho trạng thái thị trường cân bằng hơn sau nhịp bán mạnh trong phiên. Mặc dù rủi ro rung lắc sẽ còn tiếp diễn trong những phiên tới, cơ hội tiếp nối đà hồi phục của F1 vẫn đang được duy trì với vùng cản kế tiếp tại quanh 137x.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế Long tại các ngưỡng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở LONG khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ sâu nhưng đặt ngưỡng dừng lỗ chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

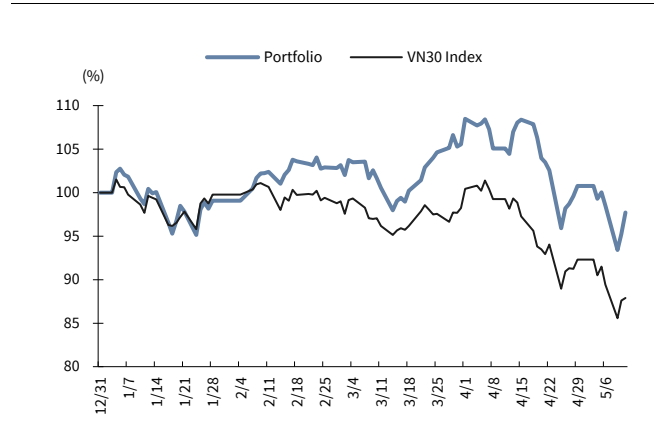
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.32%	2.59%
Tăng lũy kế (YTD)	-12.10%	-2.30%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 11/05/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	141,000	0.6%	76.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	57,200	3.6%	-1.7%	- Giá phân bốn tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	107,000	3.9%	29.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tân Uyên (NTC)	11/11/2021	187,000	-1.1%	-2.6%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	92,600	6.9%	138.2%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	101,900	3.6%	222.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	26,700	6.0%	33.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	108,900	0.8%	42.9%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phát Group (HPG)	04/12/2019	40,650	-1.1%	176.0%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	41,200	2.6%	192.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DPM	3.6%	12.5%	49.5
CTG	6.0%	25.8%	49.3
DGC	0.0%	14.5%	41.1
VHM	0.9%	23.3%	33.5
FUEVFVND	3.9%	98.0%	25.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-1.6%	54.3%	-98.4
E1VFN30	-0.9%	94.3%	-58.5
DXG	2.0%	31.3%	-31.9
MSN	-3.6%	28.6%	-52.7
PLX	-2.8%	17.3%	-15.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	3.3%	8.9%	6.5
IDV	0.2%	19.5%	0.3
PVI	2.0%	58.1%	0.2
IVS	2.2%	71.2%	0.1
CEO	10.0%	0.5%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
THD	2.1%	1.5%	-1.4
PSD	-1.5%	0.0%	-0.8
LHC	-2.1%	18.0%	-0.6
BCC	2.5%	1.7%	-0.2
PTI	0.0%	38.4%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bất động sản	0.4%	VHM, VIC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.3%	GAS, TMP
Truyền thông	-1.6%	YEG, PNC
Y tế	-2.6%	TRA, APC
Công nghệ thông tin	-2.6%	ST8, ICT

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	-13.6%	PLX, PVD
Dịch vụ tài chính	-11.3%	VND, SSI
Hóa chất	-10.9%	GVR, DGC
Xây dựng và Vật Liệu	-9.7%	VGC, VCG
Bán lẻ	-8.2%	MWG, FRT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-4.6%	VSH, TMP
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-6.5%	REE, HAH
Bảo hiểm	-7.5%	MIG, PGI
Công nghệ thông tin	-7.6%	ST8, ITD
Bất động sản	-8.1%	BCM, FIR

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	-28.8%	SSI, VND
Dầu khí	-26.2%	PLX, PVD
Xây dựng và Vật Liệu	-24.7%	VCG, VGC
Hóa chất	-21.7%	GVR, DCM
Ô tô và phụ tùng	-18.9%	TCH, HHS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND tỷ, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	176,328 (7.7)	22.5	73.9	39.6	14.7	4.4	7.3	3.0	2.8	0.1	1.0	-1.5	-15.4
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	343,227 (15.0)	26.6	8.9	7.4	35.9	23.7	22.9	2.0	1.6	0.9	9.3	-6.1	-14.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	127,654 (5.6)	17.8	27.0	17.9	-7.6	8.2	11.1	2.0	1.9	2.8	-3.5	10.2	-4.0
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	294,232 (12.8)	31.3	26.5	17.8	6.7	15.6	18.8	3.7	3.0	-0.4	-2.2	-7.8	-13.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	56,435 (2.5)	11.6	20.1	16.1	13.7	13.7	14.4	2.3	2.0	0.5	-6.2	14.3	-14.5
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	335,830 (14.6)	13.9	12.8	6.6	-	15.1	12.4	1.5	1.8	2.0	10.7	22.5	-11.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	102,833 (4.5)	6.3	14.6	11.9	11.7	20.9	21.7	2.8	2.3	0.0	0.1	-3.6	1.5
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	74,421 (3.2)	12.7	13.2	9.7	-5.3	17.4	20.1	1.9	1.5	0.8	-3.1	13.8	-2.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	373,399 (16.3)	0.0	6.3	5.2	14.3	21.0	20.6	1.2	1.0	0.8	-7.1	20.2	-22.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	137,655 (6.0)	1.4	6.5	5.5	50.3	20.1	20.9	1.2	1.0	6.0	-1.1	16.7	-21.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	717,024 (31.3)	0.0	9.6	8.0	18.8	16.7	17.1	1.5	1.3	0.3	-6.7	13.9	-6.7
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	340,441 (14.8)	0.0	6.8	5.5	14.6	24.1	23.4	1.4	1.1	1.7	-4.8	17.2	-4.8
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	82,628 (3.6)	4.2	6.7	5.6	23.3	22.4	21.9	1.3	1.1	0.8	-2.2	14.2	-21.4
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	328,855 (14.3)	14.0	10.2	6.0	26.5	13.9	17.8	1.2	1.0	-1.5	12.0	24.0	-25.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	122,588 (5.3)	0.0	7.9	6.4	37.4	23.0	22.6	1.6	1.3	0.5	4.5	16.8	-18.5
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	6,611 (0.3)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	7.0	7.2	10.4	-6.7	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	146,428 (6.4)	21.0	19.6	16.9	15.8	10.2	11.1	1.9	1.8	-2.5	-7.1	-7.9	4.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	23,056 (1.0)	14.2	33.2	15.0	9.1	11.6	13.5	3.6	1.7	-1.7	-8.6	16.3	-21.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	349,587 (15.2)	55.4	12.4	11.7	-3.2	18.9	15.2	-	-	-0.7	13.4	35.6	-46.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	105,004 (4.6)	71.9	-	-	-4.0	27.1	-	-	-	-1.4	15.4	38.0	-52.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	98,462 (4.3)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-0.4	11.7	34.2	-50.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	398,353 (17.4)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-1.0	15.7	27.9	-24.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	168,339 (7.3)	42.1	15.2	13.9	4.0	29.5	31.9	4.3	4.0	-1.6	-4.1	10.1	-19.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	39,622 (1.7)	36.9	24.5	20.2	7.3	19.3	21.5	4.4	4.0	-0.8	0.0	-0.4	8.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	133,399 (5.8)	16.5	30.9	21.8	-51.9	14.5	19.7	4.3	3.6	-3.6	-1.1	-9.6	-21.5
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	63,352 (2.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	2.4	-6.3	30.2	-45.2	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	85,497 (3.7)	11.0	-	-	-88.5	-	-	-	-	-2.0	-2.9	-8.6	-1.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	149,942 (6.5)	10.8	22.8	20.0	-57.0	12.2	13.7	2.6	2.5	2.7	0.0	3.1	19.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	143,977 (6.3)	38.4	7.2	9.4	65.7	14.1	9.3	1.0	1.0	6.8	-8.9	33.0	-55.8
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	63,072 (2.7)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	6.8	2.2	-8.8	-62.1
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	434,948 (19.0)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-0.8	14.8	30.1	-41.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	66,592 (2.9)	3.6	10.5	7.8	-52.4	4.2	5.4	0.4	0.4	1.6	14.2	42.3	-54.7
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	85,260 (3.7)	0.0	14.5	12.1	-4.5	13.8	14.4	1.9	1.8	6.9	11.6	13.2	34.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	80,014 (3.5)	46.1	18.0	16.6	-17.5	20.4	19.5	3.7	3.5	0.8	0.8	-1.2	13.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	26,005 (1.1)	31.4	10.6	9.4	-10.5	15.7	16.1	1.5	1.4	2.8	-3.7	-6.1	-15.4
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,621 (0.1)	34.1	13.7	9.0	-5.1	9.8	16.2	1.2	1.1	2.5	-3.9	15.9	-24.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	732,873 (31.9)	18.0	6.2	6.1	21.9	29.7	23.4	1.5	1.2	-1.1	-3.2	12.4	-12.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	431,916 (18.8)	36.5	6.0	12.5	-0.5	31.6	15.2	1.7	1.7	3.6	-8.8	10.3	14.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	227,300 (9.9)	46.5	7.1	10.4	-4.5	29.9	17.6	1.8	1.6	4.5	-9.9	18.5	-11.7
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	215,564 (9.4)	38.9	3.9	4.5	67.9	24.0	19.9	0.9	0.8	-0.4	-7.0	25.4	-34.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	61,439 (2.7)	97.2	12.1	10.8	17.2	7.0	7.6	0.8	0.8	1.6	10.1	29.1	-38.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	71,032 (3.1)	4.6	15.3	12.1	-51.0	14.1	15.9	1.6	1.5	-2.8	14.7	26.2	-23.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	19,500	9,854 (428)	163,634 (7.1)	39.9	24.0	11.3	-11.9	3.3	5.9	0.7	0.6	0.0	-7.3	26.7	-23.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	76,726 (3.3)	35.9	7.1	6.1	2.2	16.5	16.4	1.0	0.9	1.3	-7.6	20.4	-21.4
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	346,499 (15.1)	0.0	15.8	13.1	14.4	27.6	27.2	4.2	3.5	0.6	-5.7	-6.0	3.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	123,672 (5.4)	0.0	17.9	14.5	2.4	21.6	21.8	3.3	2.7	3.9	-1.2	-6.6	11.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	5,199 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	6.8	0.8	21.9	-28.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	169,180 (7.4)	30.3	15.6	13.0	-75.2	30.5	28.4	4.4	3.4	2.6	20.0	14.6	25.9
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	77,557 (3.4)	34.6	8.5	9.6	41.2	35.0	25.3	2.4	2.1	0.0	-7.3	19.7	-11.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,412 (0.1)	45.4	16.3	15.0	10.7	20.1	19.9	3.0	2.7	0.6	-1.5	-7.7	-13.3
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	368,598 (16.1)	0.0	18.3	14.7	15.5	26.9	28.5	4.4	3.8	3.6	-2.5	-6.1	9.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng
ngaphb@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Dầu khí & Tiện ích
quangtpt@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
huynd1@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Hóa chất
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Thủy sản & Dệt may
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.